TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tuấn Vũ .
2. Bà Vũ Thị Hoàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 1980
- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S - sinh năm 1976;

Đều trú quán: Thôn Đ , xã H , huyện K , tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Trần Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện K tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ chồng, ở thôn Đ , xã H , đến tháng 10 năm 1998 thì bố mẹ chồng cho ăn riêng, năm 2006 vợ chồng chị làm nhà ra ở riêng. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hay có mâu thuẫn, đến khi anh S càng ngày càng nhấn sâu vào rượu chè, cờ bạc thì tình cảm của vợ chồng không còn giữ được, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đi làm ăn xa. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 tới nay. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S .

- Về quan hệ con chung: Chị và anh S có hai con chung là Phạm Hải A , sinh ngày 03/4/2000 và Phạm Thị Th , sinh ngày 17/7/2005. Hiện nay con Phạm Hải A đang bị đi chấp hành án phạt tù, con Phạm Thị Th đang được ông bà nội chăm sóc. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn là anh Phạm Ngọc S vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 01/12/2017, cán bộ đại diện cho Hội Phụ nữ, trưởng thôn, cán bộ Tư pháp, đại diện chính quyền cung cấp cho biết: Anh S và chị H , cùng hai con đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện K. Anh S và chị H trong cuộc sống hay có mâu thuẫn do anh S nóng tính, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 năm trở lại đây, đều đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về. Nay chị H xin ly hôn thì đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2017 của bà Ngô Thị M (mẹ đẻ anh S) cho biết: Anh S và chị H trong cuộc sống hay phát sinh mâu thuẫn do anh S nóng tính, hay rượu chè, còn chị H lại không biết nhường nhịn nên chỉ từ việc nhỏ nhặt rồi cũng phát sinh cãi nhau. Mọi người trong gia đình đã khuyên giải nhưng không được, vợ chồng chị H đã sống ly thân từ khoảng 6 năm rồi, chị H nói rằng không thể chung sống với anh S được nữa. Anh S và chị H có hai con như chị H đã khai, nếu chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con thì bà cũng đồng ý. Những văn bản của Tòa án gửi cho anh S bà sẽ giao lại hoặc thông báo cho anh S.

***** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh S; Về con chung: nên giao cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết;

- Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Bị đơn là anh Phạm Ngọc S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình, hiện không có mặt ở địa phương nhưng vẫn liên hệ và thường xuyên về thăm gia đình nhưng không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ngày 17/01/2018 chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, mở vào ngày 02/02/2018. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt là lần thứ 2. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh S là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án chỉ có nguyên đơn và bị đơn, họ đều vắng mặt nên phiên tòa được tiến hành theo thủ tục quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã H và lấy lời khai của mẹ đẻ bị đơn để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị H và anh S có chứng nhận kết hôn nên đó là quan hệ hợp pháp. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài do tính tình không hợp nhau, không có sự thông cảm và nhường nhịn nhau. Đến nay cả hai vợ chồng đều không quan tâm đến nhau. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh S có hai con chung là Phạm Hải A, sinh ngày 03/4/2000 và Phạm Thị Th, sinh ngày 17/7/2005. Ly hôn nên giao cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con là phù hợp với với quy định tại điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con đó là sự tự nguyện của chị H cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Vì đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

2. *Về con chung*:

- Chị Trần Thị H và anh Phạm Ngọc S có hai con chung là Phạm Hải A, sinh ngày 03/4/2000 và Phạm Thị Th, sinh ngày 17/7/2005.
- Giao cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con là Phạm Hải A và Phạm Thị Th. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000838 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án* (theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự); cụ thể như sau: "*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân*

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Minh Đức